

Bản án số: 208/2024/DS-PT

Ngày: 10/9/2024

V/v “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phi.

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2024/TLPT-DS ngày 24/6/2024, về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 116/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Trần Hữu C**, sinh năm 1972;

1.2. Bà **Dương Thị P**, sinh năm 1975.

Cùng cư trú: Tổ 06, **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số E C, Hẻm G, tổ H, khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/11/2023).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963;

2.2. Ông Bùi Văn P1, sinh năm 1963 (chết ngày 10/6/2022);

Cùng cư trú: Số C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1:

2.2.1. Cụ Bùi Thị L, sinh năm 1942; nơi cư trú: Tổ H, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

2.2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963;

2.2.3. Bà Bùi Thị Mai N, sinh năm 1985;

2.2.4. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1986;

Cùng cư trú: Số C, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà H, cụ L, bà N và bà V: Ông Triệu Trọng Đ1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số A, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2024).

2.2.5. Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số B, tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 là ông Bùi Văn N1.

Tại phiên tòa có mặt ông Lê Hữu Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn N1, ông Triệu Trọng Đ1; vắng mặt các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn là ông Trần Hữu C, bà Dương Thị P và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn là ông Lê Hữu Đ trình bày:

Ngày 26/07/2016, vợ chồng ông C, bà P ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 127/HĐMB-DTN và biên bản đấu giá tài sản với Công ty TNHH MTV Đ2 đối với tài sản của ông Bùi Văn P1 và bà Nguyễn Thị H, đất đã kê biên ngày 24/12/2013, diện tích 6.113 m² đất HNK tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang và cây trồng trên đất gồm mít 27 cây, dứa 61 cây, xoài 100 cây, sơ ri 100 cây. Ông C, bà P là người trúng đấu giá tài sản trên với giá 358.000.000 đồng.

Do ông P1, bà H không tự nguyện giao tài sản, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân đã quyết định cưỡng chế giao đất diện tích 5.626m² và cây trồng trên đất cho ông C, bà P theo Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản

ngày 28/02/2017 (đã có điều chỉnh diện tích theo thực tế). Khi nhận đất, ông C và bà P đã trồng trụ đá và lưới B40 rào đất lại nhưng gia đình ông P1 đã phá dỡ, hủy hoại toàn bộ hàng rào để chiếm lại đất và tiếp tục trồng cây trên đất. Thời gian qua, ông C và bà P đã gửi nhiều đơn yêu cầu đến các cơ quan chức năng can thiệp, giải quyết và sự việc kéo dài đến nay, trong thời gian chờ Tòa án xét xử ông P1 chết nên gia đình bà H đưa thi hài ông P1 chôn cất trong phần đất này, mà không chôn ở phần đất khi cưỡng chế chừa lại cho gia đình ông P1.

Mặt khác, sau khi gia đình ông C mua trúng đấu giá và được bàn giao tài sản đến ngày 22/06/2020 Ủy ban nhân dân huyện P đã ra Quyết định số 1900/QĐ-UBND V/v hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P1 và bà H để cấp lại cho vợ chồng ông C. Ngày 15/10/2020 Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 8877859, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05623, diện tích 5.626m² đất trồng cây hàng năm cho vợ chồng ông C, bà P đứng tên.

Mặc dù nhiều lần gia đình ông C yêu cầu vợ chồng ông P1, bà H giao đất nhưng không nhận được sự hợp tác, ông P1 tiếp tục có hành vi chống đối, cản trở ông C thực hiện quyền sử dụng đất bằng những hành vi, thái độ quá khích như chửi bới, nhục mạ, thậm chí còn trương bảng trên đất với hình thức công khai đe dọa. Từ năm 2017 bàn giao tài sản cho đến nay ông C vẫn không sử dụng được đất.

Nay, yêu cầu bà Nguyễn Thị H và các đồng thừa kế của ông P1 phải trả lại cho ông C, bà P diện tích đất 5.626m² tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang và cây trồng trên đất gồm mít 27 cây, dứa 61 cây, xoài 100 cây, sơ ri 100 cây, tổng cộng 288 cây, trên đất còn có cây của bị đơn trồng sau đó, nhưng không phân biệt được cây nào của nguyên đơn và cây nào của bị đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường lợi nhuận cây từ năm 2020 đến năm 2023 là thời gian bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P1 chiếm giữ đất và cây. Từ nay (năm 2024) về sau nguyên đơn cho lại bị đơn 288 cây nêu trên và yêu cầu bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P1 phải di dời toàn bộ cây, tài sản và vật kiến trúc khác (nếu có) ra khỏi đất để giao trả đất cho nguyên đơn. Riêng ngôi mộ của ông P1 vẫn giữ nguyên, không yêu cầu di dời.

Yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra trong thời gian chiếm đất trái pháp luật tổng cộng 227.000.000 đồng, gồm các khoản: hàng rào nóng đá + lưới B40 bị hủy hoại: 3.000.000 đồng; thiệt hại do mất thu nhập hoa lợi trên đất tính từ năm 2020 đến năm 2023: 56.000.000đồng/năm x 04 năm = 224.000.000 đồng. Theo văn bản của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P cho biết lợi nhuận cây trồng trên đất trong ba năm (2021 – 2023) là 404.573.580 đồng, nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu theo đơn khởi kiện là 224.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Hữu Đ (đại diện nguyên đơn) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 3.000.000 đồng là tiền hàng rào nóng đá + lưới B40 bị hủy hoại.

- Bà Nguyễn Thị H, cụ Bùi Thị L, chị Bùi Thị Mai N và chị Bùi Thị V ủy quyền cho anh Triệu Trọng Đ1 trình bày:

Tài sản đem bán đấu giá là tài sản chung của bà H và ông P1, trong khi bản án chỉ buộc một mình ông P1 trả nợ thì chỉ bán 1/2 tài sản (quyền sử dụng đất) mà thôi, nhưng lại bán hết toàn bộ diện tích đất trên. Việc cưỡng chế thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân là sai, nên không đồng ý giao bất kỳ phần đất nào trong diện tích 5.626m². Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì cây trồng trên đất tổng cộng có 218 cây dứa, 199 cây xoài và các loại cây khác như mít, sơ ri, chuối, đu đủ, chứ không phải chỉ có mít 27 cây, dứa 61 cây, xoài 100 cây, sơ ri 100 cây như bán đấu giá, các loại cây trên bị đốn trồng từ năm 2011 đến khi bị cưỡng chế thi hành án, từ sau khi bị cưỡng chế đến nay bị đốn không trồng thêm loại cây nào. Tất cả cây trên đất thuộc sở hữu của bà H, ông P1, không phải của nguyên đơn. Do đó, anh không đồng ý theo yêu cầu của ông C, bà P và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, bà P diện tích 5.626m² tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vì việc Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy quyền sử dụng đất cho ông C, bà P là không đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Triệu Trọng Đ1 xuất trình văn bản số 962/VKSTC-C1(P1) ngày 27/3/2024 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao V/v chuyển đơn để kiểm sát giải quyết theo thẩm quyền, đồng thời đề nghị hoãn phiên tòa để chờ kết quả giải quyết theo văn bản trên. Yêu cầu đưa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân và Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để yêu cầu bồi thường thiệt hại về trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

- Anh Bùi Văn N1 trình bày:

Anh là con ruột của ông P1 và bà H, anh thống nhất như ý kiến và yêu cầu trên của anh Triệu Trọng Đ1. Ngoài ra, không có ý kiến và không có yêu cầu khác.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bồi thường hàng rào lưới B40 3.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu C, bà Dương Thị P và người đại diện hợp pháp của ông C, bà P là ông Lê Hữu Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích đất cho ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P là 5.626m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 8877859, số vào sổ cấp GCN: CH 05623 cấp ngày 15/10/2020 đất trồng cây hàng năm khác do ông Trần Hữu C, bà

Dương Thị P đứng tên, thể hiện tại các khu vực: D2 (thửa 48, tờ bản đồ số 29) diện tích 2.493m² tại các điểm 2, 3, 4, 5, 24, 25, 26; khu vực D3 (thửa 47, tờ bản đồ số 29) diện tích 817m² tại các điểm 5, 6, 7, 8, 22, 23, 24; khu vực D4 (thửa 189, tờ bản đồ số 29) diện tích 1.082m² tại có các điểm 9, 10, 11, 12, 19, 20, 21; khu vực D5 (thửa 46, tờ bản đồ số 29) diện tích 1.234m² tại các điểm 12, 13, 18, 19 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 14/10/2022 của **Văn phòng Đ3 - chi nhánh P2**.

Buộc bà **Nguyễn Thị H** và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Bùi Văn P1** gồm: Cụ bà **Bùi Thị L**, (mẹ ông **P1**), các con ông **P1** là chị **Bùi Thị Mai N**, chị **Bùi Thị V** và anh **Bùi Văn N1** có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ cây trồng hoặc tài sản và vật kiến trúc khác (nếu có) thì cũng phải tháo dỡ, di dời bằng mọi biện pháp như: phá dỡ, chặt, đốn hạ, ... ra khỏi đất để giao trả diện tích 5.626m² cho ông **Trần Hữu C** và bà **Dương Thị P**. Riêng phần mộ của ông **Bùi Văn P1** có diện tích 12,8m² tại các điểm 37, 38, 39, 40 (nằm trong diện tích 2.493m² thửa đất số 48, tờ bản đồ số 29) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 14/10/2022 của **Văn phòng Đ3 - chi nhánh P2** thì vẫn giữ nguyên, không phải di dời.

Buộc bà **Nguyễn Thị H** và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Bùi Văn P1** gồm: Cụ bà **Bùi Thị L**, (mẹ ông **P1**), các con ông **P1** là chị **Bùi Thị Mai N**, chị **Bùi Thị V** và anh **Bùi Văn N1** có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông **Trần Hữu C** và bà **Dương Thị P** số tiền 224.000.000 đồng trong phạm vi tài sản của bà **H** và ông **P1**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị H** và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **Bùi Văn P1** gồm: Cụ bà **Bùi Thị L**, (mẹ ông **P1**), các con ông **P1** là chị **Bùi Thị Mai N**, chị **Bùi Thị V** và anh **Bùi Văn N1** về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 8877859, số vào sổ cấp GCN: CH 05623 ngày 15/10/2020 do ông **Trần Hữu C** và bà **Dương Thị P** đứng tên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/5/2024 Bà **Nguyễn Thị H**, ông **Bùi Văn N1** có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang với nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không đưa Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân và Ủy ban nhân dân H tham gia tố tụng là sai, Tòa án chưa xác định được cây trồng trên đất theo biên bản giao tài sản ngày 28/02/2017 và cây trồng do ông P1, bà H trồng là thiếu sót nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn N1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 124/2024/DS-ST ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn N1 trong hạn luật định, có tạm nộp án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Theo Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 29/7/2016 của Công ty TNHH MTV Đ2 thì thành phần tham dự phiên đấu giá gồm: Đại diện Chi cục thi hành án huyện Phú Tân; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân; đại diện Văn phòng C1; Về tổ chức bán đấu giá; Về người tham gia đấu giá. Tại phiên đấu giá ông Trần Hữu C là khách hàng trúng đấu giá diện tích đất 6.113m² và cây trên đất. Ông C đã nộp đủ số tiền trúng đấu giá tài sản là 358.000.000 đồng.

Do phía bị đơn không tự nguyện thi hành án nên ngày 28/2/2017 Chi cục thi hành án cưỡng chế giao tài sản cho ông Trần Hữu C gồm: diện tích đất 5.626m² (đã điều chỉnh theo diện tích đất thực tế), 27 cây mít, 61 cây dừa, 100 cây xoài, 100 cây sơ ri. Ngay sau khi Thi hành án cưỡng chế giao tài sản thì cùng ngày gia đình ông P1, bà H bao chiếm lại tài sản và quản lý, sử dụng đến nay. Ông Trần Hữu C không được quản lý, sử dụng đất và khai thác cây trồng trên đất đối với tài sản mua trúng đấu giá.

Ngày 22/3/2017 ông Bùi Văn P1 và bà Nguyễn Thị H khiếu nại Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân không ưu tiên cho gia đình

mua tài sản bán đấu giá. Khiếu nại của ông P1, bà H được Chi cục thi hành án huyện Phú Tân giải quyết bằng Quyết định số 179/QĐ-CCTHA ngày 13/4/2017 và Cục thi hành án tỉnh An Giang giải quyết bằng Quyết định số 575/QĐ-CTHA ngày 19/5/2017 đều không chấp nhận khiếu nại.

Qua trình bày của các đương sự và tranh luận công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Hữu C là người mua tài sản đấu giá theo đúng quy định pháp luật, đã được Thi hành án cưỡng chế giao đất và tài sản trên đất, từ đó UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH05623 ngày 15/10/2020 cho vợ chồng ông Trần Hữu C, bà Dương Thị P.

Theo đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn N1 yêu cầu đưa UBND huyện P vào tham gia tố tụng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND huyện P cấp cho ông C, bà P. Nhận thấy ông C mua tài sản thông qua bán đấu giá theo đúng quy định pháp luật, UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng bán đấu giá thành, không phải trường hợp tranh chấp quyền sử dụng đất nên không thuộc trường hợp đưa UBND huyện P vào tham gia tố tụng và xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu đưa Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân tham gia tố tụng để bồi thường theo Luật bồi thường trách nhiệm Nhà nước vì quá trình thi hành án đã vi phạm pháp luật theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bồi thường trách nhiệm Nhà nước là một yêu cầu khác không thuộc trường hợp phản tố trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền khởi kiện vụ án khác đối với Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân theo Luật bồi thường trách nhiệm Nhà nước khi có yêu cầu là đúng quy định pháp luật.

Về cây ăn trái trồng trên đất: Theo Biên bản kê biên tài sản 24/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Chứng thư thẩm định giá số 130714/TĐ.THA ngày 10/4/2014 của Công ty Cổ phần T thì cây trồng trên đất gồm: 27 cây mít, 61 cây dứa, 100 cây xoài, 100 cây sơ ri không có cây khác; Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017, ông C đã nhận diện tích đất 5.626m² và cây trên đất là 27 cây mít, 61 cây dứa, 100 cây xoài, 100 cây sơ ri không có tài sản nào khác.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (khi xét xử phúc thẩm lần 1) thể hiện trên đất có 218 cây dứa, 06

cây mít, 199 cây xoài, 03 cây sơ ri đều trồng năm 2011. Thành phần xem xét thẩm định tại chỗ của biên bản này là: Đại diện UBND xã P, huyện P; đại diện Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và các đương sự trong vụ án, nhận thấy những người này đều không có chức năng giám định độ tuổi của cây trồng.

Đối với Biên bản định giá cùng ngày 08/6/2023 của Hội đồng định giá theo Quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản số 498/2023/QĐ-ĐG ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang gồm có: Đại diện Sở Tài chính, đại diện Sở Nông nghiệp tỉnh A. Về ý kiến của Hội đồng định giá: 218 cây dừa trồng năm 2011 (từ 04 năm trở lên có trái ổn định) loại A, giá 975.000 đồng/cây; 199 cây xoài trồng năm 2011 (từ 08 năm trở lên có trái ổn định) loại A giá 2.400.000 đồng/cây; 06 cây mít trồng năm 2011 (từ 10 năm trở lên có trái ổn định) loại A giá 1.440.000 đồng/cây, cho thấy Hội đồng định giá không xác định độ tuổi cụ thể của từng loại cây mà chỉ xác định loại cây có từ bao nhiêu năm tuổi trở lên có trái ổn định để xác định giá.

Như vậy số lượng cây ăn trái theo Biên bản kê biên tài sản 24/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân đến khi lập Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá cùng ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là 10 năm và so với Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá cùng ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang là 06 năm. Nhận thấy số lượng cây và loại cây ăn trái trên đất có sự chênh lệch nhiều, cụ thể: So Biên bản cưỡng chế ngày 28/02/2017 với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/6/2023 thì cây xoài tăng 99 cây, cây dừa tăng 157 cây, mít giảm 21 cây, sơ ri giảm 97 cây trên đất còn có thêm nhiều cây chuối và cây đu đủ.

Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 10/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, nguyên đơn cho rằng về cây trồng từ năm 2011 là do bị đơn tự khai, nguyên đơn không xác định được thời gian, không đồng ý cây trồng vào năm 2011. Bị đơn không cung cấp được các tài liệu khác để chứng minh việc các cây trồng vào năm 2011 (trước thời điểm Chi cục Thi hành án giao tài sản trúng đấu giá).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/7/2024, bà H, ông N1 đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa và yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại và giám định độ tuổi của cây ăn trái trên đất.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đối với bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn N1: Bà H, ông N1 xác định cây trồng trên đất trước hay sau năm 2011 vẫn là cây của tôi, quá trình sử dụng đất cây nào chết thì tôi trồng cây khác, chuối có buồng rồi thì tôi chặt bỏ và trồng lại cây mới nên số lượng có sự thay đổi so với trước. Như vậy theo lời khai nêu trên thì số cây trồng trên đất có tăng, có giảm chứ không phải các cây đều trồng trước năm 2011.

Do bà H, ông P1 chiếm giữ đất nhiều năm, ông C không vào quản lý, khai thác được nên không xác định được cây trồng nào trồng trước Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017 và cây trồng nào trồng sau Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017. Tòa án đã tạo điều kiện để phía bị đơn chọn đơn vị có chức năng giám định độ tuổi của cây ăn trái để Tòa án giới thiệu và phối hợp thực hiện. Nhưng ngày 14/8/2024 ông Bùi Văn N1 có văn bản ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang dựa vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá cùng ngày 08/6/2023 để giải quyết và đề nghị không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung. Tại phiên tòa bà H, ông N1 không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại và giám định độ tuổi của cây ăn trái.

Từ những cơ sở, phân tích trên có căn cứ xác định số loại cây ăn trái khác hay số lượng cây nhiều hơn so với Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017 được xác định là cây trồng sau thời điểm Chi cục Thi hành án giao tài sản trúng đấu giá cho ông Trần Hữu C. Cây trồng sau, được xác định là trồng trái quy định pháp luật, phía bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn P1 phải có nghĩa vụ di dời hoặc biện pháp khác di dời toàn bộ cây, vật kiến trúc (nếu có) ra khỏi khu đất. Tuy nhiên phía nguyên đơn tự nguyện cho toàn bộ cây trồng theo Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 28/02/2017 cho bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P1. Nhưng bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P1 bằng mọi biện pháp phải di dời toàn bộ cây, vật kiến trúc (nếu có) ra khỏi khu đất.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thời gian ông C không sử dụng được diện tích đất và cây trồng trên đất nên chấp nhận yêu cầu của ông C buộc bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P1 có nghĩa vụ bồi thường 224.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ để xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn N1 cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên của bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bồi thường hàng rào lưới B40 3.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu C, bà Dương Thị P và người đại diện hợp pháp của ông C, bà P là ông Lê Hữu Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 có nghĩa vụ liên đới trả lại diện tích đất cho ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P là 5.626m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 8877859, số vào sổ cấp GCN: CH 05623 cấp ngày 15/10/2020 đất trồng cây hàng năm khác do ông Trần Hữu C, bà Dương Thị P đứng tên, thể hiện tại các khu vực: D2 (thửa 48, tờ bản đồ số 29) diện tích 2.493m² tại các điểm 2, 3, 4, 5, 24, 25, 26; khu vực D3 (thửa 47, tờ bản đồ số 29) diện tích 817m² tại các điểm 5, 6, 7, 8, 22, 23, 24; khu vực D4 (thửa 189, tờ bản đồ số 29) diện tích 1.082m² tại có các điểm 9, 10, 11, 12, 19, 20, 21; khu vực D5 (thửa 46, tờ bản đồ số 29) diện tích 1.234m² tại các điểm 12, 13, 18, 19 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 14/10/2022 của Văn phòng Đ3 - chi nhánh P2.

Buộc bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 có nghĩa vụ liên đới di dời toàn bộ cây trồng hoặc tài sản và vật kiến trúc khác (nếu có) thì cũng phải tháo dỡ, di dời bằng mọi biện pháp như: phá dỡ, chặt, đốn hạ, ... ra khỏi đất để giao trả diện tích 5.626m² cho ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P. Riêng phần mộ của ông Bùi Văn P1 có diện tích 12,8m² tại các điểm 37, 38, 39, 40 (nằm trong diện tích 2.493m² thửa đất số 48, tờ bản đồ số 29) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 14/10/2022 của Văn phòng Đ3 - chi nhánh P2 thì vẫn giữ nguyên, không phải di dời.

Buộc bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P số tiền 224.000.000 đồng trong phạm vi tài sản của bà H và ông P1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 8877859, số vào sổ cấp GCN: CH 05623 ngày 15/10/2020 do ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P đứng tên.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P tự nguyện chịu 2.000.000 đồng (đã nộp xong).

Bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 cùng liên đới chịu 4.500.000 đồng (đã nộp xong).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn P1 gồm: Cụ bà Bùi Thị L, (mẹ ông P1), các con ông P1 là chị Bùi Thị Mai N, chị Bùi Thị V và anh Bùi Văn N1 cùng liên đới chịu 11.500.000 đồng trong phạm vi tài sản của bà H và ông P1.

Hoàn trả 5.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Hữu C và bà Dương Thị P theo biên lai thu tiền số 0002319 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006914 và 0006915 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. (Bà H và ông N1 đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi **nhận:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

- TAND cấp cao;

- VKSND AG;

- Phòng KTNV và THA;

- TAND huyện;

- THA huyện;

- Văn Phòng;

- Tòa Dân sự;

- Đương sự (để thi hành);

- Lưu hồ sơ .

Lưu Hữu Giàu